

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 21 /Công Ty CP Acecook Việt Nam/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân:

CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ:

LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại:

02838154064

Fax:

02838154067

Email:

info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp:

0300808687

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Acecook đã có giấy chứng nhận HACCP

| STT | Số giấy CN | Ngày cấp   | Nơi cấp      | Địa chỉ nhà máy sản xuất                                                                                                            |
|-----|------------|------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | VN19/00250 | 15.10.2019 | SGS Việt Nam | Địa chỉ : Khu phố 1B- phường An Phú - thành phố Thuận An - tỉnh Bình Dương.<br>Kí hiệu nhà máy sản xuất: BD                         |
| 2   | VN19/00250 | 15.10.2019 | SGS Việt Nam | Địa chỉ : Đường TS7, Khu công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.<br>Kí hiệu nhà máy sản xuất: BN                        |
| 3   | VN19/00250 | 15.10.2019 | SGS Việt Nam | Địa chỉ: Lô số A3, Quốc Lộ 1A, Khu Công Nghiệp Hòa Phú, Xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.<br>Kí hiệu nhà máy sản xuất: VI. |

Mã hồ sơ: DNPLC30/02.21

Trang 1

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm

ĐỆ NHẤT PHỞ HƯƠNG VỊ PHỞ GÀ LÁ CHANH

2. Thành phần:

Vất phở:

Gạo, chất làm dày (tinh bột xử lý oxy hóa (1404)), tinh bột khoai tây, đường, muối, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621)), chất nhũ hóa (lecithin đậu nành (322(i)), natri carboxymethyl cellulose (466)).

Các gói gia vị:

Dầu thực vật (dầu cọ, chất chống oxy hóa (BHA (320), BHT (321))), muối, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621), dinatri 5'-inosinat (631), dinatri 5'-guanylat (627), dinatri succinat (364(ii))), thịt gà 21,82 g/kg (đậu nành, lúa mì), các gia vị (tỏi, gừng, tiêu, ớt, tai vị, tiêu hồi, quế, hạt ngô, hành), protein đậu nành, đường, hành lá sấy, chiết xuất nấm men, hương gà tổng hợp 1,93 g/kg, lá chanh sấy 1,70 g/kg, ngô gai sấy, hương chanh tự nhiên 0,36 g/kg, chất điều chỉnh độ acid (acid citric (330)), chất tạo ngọt tổng hợp (aspartam (951)), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin(160c(i)), curcumin (100(i))).

2a. Số tiêu chuẩn:

P03-21

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

8 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng :

NSX\_ngày\_tháng\_năm\_ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.  
Hạn sử dụng: 8 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Qui cách đóng gói và chất liệu bao bì

Qui cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 gói (g/gói):

65 g +/- 4,5 g

Số lượng gói/thùng carton:

30 gói/thùng.

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong bao bì cấu trúc phức hợp, lớp trong cùng tiếp xúc trực tiếp an toàn với thực phẩm là PP (polypropylen). Sau đó các sản phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng:

phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức giới hạn tối đa | QCVN 8-2:2011/BYT |
|-----|--------------|-------------|---------------------|-------------------|
| 1   | Cadimi (Cd)  | mg/kg       | 0,4                 | Mục 2.19          |
| 2   | Chì (Pb)     | mg/kg       | 0,2                 | Mục 3.18          |

Mã hồ sơ: DNPLC30/02.21

Trang 2



| STT | Tên chỉ tiêu                          | Đơn vị tính | Mức giới hạn tối đa | QCVN 8-1:2011/BYT |
|-----|---------------------------------------|-------------|---------------------|-------------------|
| 1   | Aflatoxin B1                          | µg/kg       | 2,0                 | Mục 1.6           |
| 2   | Aflatoxin tổng số<br>(B1, B2, G1, G2) | µg/kg       | 4,0                 | Mục 1.6           |
| 3   | Ochratoxin A                          | µg/kg       | 3,0                 | Mục 2.2           |

| STT | Tên chỉ tiêu              | Đơn vị tính | Mức giới hạn tối đa |
|-----|---------------------------|-------------|---------------------|
| 1   | Tổng số vi khuẩn hiếu khí | cfu/g       | 10 <sup>4</sup>     |
| 2   | Coliform                  | cfu/g       | 10,0                |
| 3   | E-Coli                    | mpn/g       | 3,0                 |
| 4   | S.aureus                  | cfu/g       | 10,0                |
| 5   | Cl. Perfringens           | cfu/g       | 10,0                |
| 6   | B. cereus                 | cfu/g       | 10,0                |
| 7   | Tổng số nấm men, nấm mốc  | cfu/g       | 10 <sup>2</sup>     |

| STT | Tên chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Mức giới hạn tối đa |
|-----|---------------|-------------|---------------------|
| 1   | Độ ẩm vất phờ | %           | 14,0                |

| STT | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị tính | Giá trị trên | Khoảng dao động<br>+/- 20% |
|-----|------------------------|-------------|--------------|----------------------------|
| 1   | Giá trị năng lượng     | kcal/65 g   | 253          | 202 ~ 304                  |
| 2   | Hàm lượng chất béo     | g/65 g      | 5,8          | 4,6 ~ 7,0                  |
| 3   | Hàm lượng carbohydrate | g/65 g      | 45,6         | 36,5 ~ 54,7                |
| 4   | Hàm lượng chất đạm     | g/65 g      | 4,5          | 3,6 ~ 5,4                  |

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

ACECOOK VIỆT NAM

KANEDA HIROKI

Trang 3

**T**rong mỗi gói Phở Đồ Nhất, từng sợi phở mềm dai dẻo mình trong nước súp thơm ngon tuyệt hảo. Sự kết hợp hài hòa, tỉ mỉ của các gia vị Phở truyền thống, nhiều hành lá tươi ngon, bạn sẽ được thưởng thức tô phở **NGON NHƯ PHỞ QUÁN** dù ở nhà hay bất cứ nơi đâu.

|                                                           |          |
|-----------------------------------------------------------|----------|
| Thành phần dinh dưỡng 1 gói (65 g) gồm:                   |          |
| Nutrition facts: Amount per container (serving size 65 g) |          |
| Giá trị năng lượng/ Calories                              | 253 kcal |
| Chất béo/ Total fat                                       | 5,8 g    |
| Carbohydrate/ Total carbohydrate                          | 45,6 g   |
| Chất đạm/ Protein                                         | 4,5 g    |

[illegible]

**Ingredients**

**Rice noodle:** Rice, thickener (xanthan starch (1404)), potato starch, sugar, salt, sodium carboxymethyl cellulose (E466), emulsifiers (poly sorbin (322a)), flavor enhancers (disodium inosinate (621), disodium guanylate (626)).

**Seasoning sauce:** Vegetable oil (palm oil, antiseptics (butylated hydroxytoluene (320), butylated hydroxytoluene (321)), salt, flavor enhancers (monosodium L-glutamate (621), disodium 5'-nucleotide (E621), disodium 5'-nucleotide (E621), disodium 5'-nucleotide (E621), chicken 2182 mg (300%)), white pepper, spices (pink pepper, ginger, paprika, chili, star anise, fennel, cardamom, coriander seed, shallot, soybean protein, sugar), dried spring onion, yeast extract, artificial colorant (tartrazine (1010)), artificial sweetener (acesulfame (potassium) (969)), natural colorant (paprika oleoresin (1600-0)), curcumin (1001)).

- Bảo quản nơi khô ráo và tránh ánh sáng mặt trời / Store in a dry place and avoid sunlight.
- Mở nắp ngay khi mở bao bì / Use as soon as the packaging is opened.
- Tránh tiếp xúc hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh / Keep away from chemicals and products with strong odors.

[illegible]





**KANEDA HIROKI**  
GD. Khối Marketing  
General Manager, Marketing Div

Mã hồ sơ: DNPLC30/02.21